

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22 - 8 - 2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hòa;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tạ Văn Nhật;
2. Bà Nguyễn Thị Chiều;

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đàm Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu 2, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKTT: Cụm 3, xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Hiện đang chấp hành án tại Đội 24, phân trại 1 - Trại A, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn là chị Đàm Thị H trình bày: Chị có tìm hiểu và chung sống với anh Lê Văn L từ năm 2012 nhưng do anh L chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 20/02/2014 chị và anh Lê Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống cùng gia đình nhà anh L, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên cuộc sống không có

hạnh phúc. Năm 2018 anh L vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt tù 60 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại Đội 24, phân trại 1 - Trại A, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Từ khi anh L đi chấp hành án, chị về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Phú Thọ để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay tình cảm của chị với anh L không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 12/12/2013. Hiện cháu đang ở với chị, ly hôn, chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công sức, về nợ chung: Chị và anh Lê Văn L không có tài sản chung, không có công sức và không nợ ai.

- Theo bản tự khai, bị đơn là anh Lê Văn L trình bày: Anh và chị Đàm Thị H có tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012, do anh chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 20/02/2014, anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018 anh vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt tù 60 tháng tù, hiện anh đang chấp hành án tại Đội 24, phân trại 1 - Trại A, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Do vợ chồng phải xa cách nhau nên tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh. Anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đàm Thị H có 01 con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 12/12/2013. Hiện tại cháu đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên nếu chị H xin nuôi con thì anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, về công sức, về nợ: Anh và chị Đàm Thị H không có tài sản chung, không có công sức và không nợ ai.

Tại phiên tòa: Cả chị H và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị H. Xử chị H được ly hôn với anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lê Trung H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Văn L.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đàm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đàm Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh Lê Văn L. Anh L có hộ khẩu đăng ký tại xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng qui định, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, tuy nhiên anh Lê Văn L hiện đang chấp hành án tại trại cải tạo, anh có đơn xin vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Căn cứ vào Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Chị Đàm Thị H, anh Lê Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo trình tự, tố tụng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ngày 20/02/2014, xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi chị Đàm Thị H kết hôn với anh Lê Văn L, anh chị về chung sống với nhau. Chị H cho rằng, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Anh L cho rằng nguyên nhân chính là do anh phải đi chấp hành án phạt tù tại trại cải tạo nên tình cảm vợ chồng xa cách, nay chị H xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị H. Xét thấy, cả chị H và anh L đều thừa nhận sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Năm 2018 anh L phạm tội, bị Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội xử phạt 60 tháng tù, anh L phải đi trại cải tạo, chị H không còn quan tâm đến anh L, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tiếp tục được, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh L đồng ý. Căn cứ vào Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử, xử cho chị Đàm Thị H được ly hôn anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L có 01 con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 12/12/2013, hiện tại cháu đang ở với chị H, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Văn L cũng có nguyện vọng nuôi con, nếu chị H xin nuôi con thì anh không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, anh L hiện đang chấp hành án tại trại cải tạo với thời hạn rất dài, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con, trong khi chị H là người đang trực tiếp nuôi con từ khi anh L đi trại cải tạo cho đến nay, cháu Hiếu có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Hiếu, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Hiếu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Văn L. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức, về nợ: Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình và không nợ ai nên không phải giải quyết.

[5] Án phí: Chị Đàm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Thị H về việc xin ly hôn anh Lê Văn L.

Chị Đàm Thị H được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L có một con chung là cháu Lê Trung H, sinh ngày 12/12/2013. Giao cháu Lê Trung H cho chị Đàm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hiếu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đàm Thị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn L cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, về công sức, về nợ chung:** Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L đều xác định không có nên Tòa án không phải giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Đàm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002834 ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

**5. Quyền kháng cáo:** Chị Đàm Thị H và anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hà Nội;
  - VKSND huyện Đ;
  - CCTHADS huyện Đ;
  - UBND xã T, huyện Đ,
- Thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Hòa**